TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST.
Ngày 18 - 9 - 2020.
V/v tranh chấp: "Kiện xin ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Ngọc Thi và ông Đặng Văn Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Liên - là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc "Kiện xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1986.

*** Bị đơn**: Anh Đào Văn H, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Số nhà 330, đường TTP, tổ 10, phường THĐ, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa có mặt chị M, vắng mặt anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Đào Văn H đăng ký kết hôn vào ngày 27 tháng 3 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân phường Trần Hưng Đạo, thị xã Phủ Lý (nay là thành phố Phủ Lý), tỉnh Hà Nam và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống và thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018

đến nay. Trong thời gian sống ly thân cả hai không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đào Văn H.

Về con chung: Chị M và anh H có 02 con chung là cháu Đào Trọng T, sinh ngày 22/10/2006 và cháu Đào Thảo N, sinh ngày 26/9/2014. Khi vợ chồng ly hôn chị M có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc cháu Đào Thảo N. Giao anh Đào Văn H nuôi dưỡng chăm sóc cháu Đào Trọng T, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về con riêng, con nuôi: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Hiện chị M không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Đào Văn H trình bày: Về thời gian, địa điểm kết hôn anh H trình bày như chị M đã khai ở trên. Anh và chị M kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống và thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Trong thời gian sống ly thân cả hai không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị M xin ly hôn anh đồng ý thuận tình ly hôn với chị M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị M trình bày. Khi vợ chồng ly hôn anh H có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung là cháu Đào Thảo N và cháu Đào Trọng T. Khi nuôi con chung anh không đề nghị chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về con riêng, con nuôi: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Quan điểm của địa phương nơi chị M và anh H sinh sống: Về hôn nhân đề nghị Tòa án xem xét giải quyết nguyện vọng xin ly hôn của chị M theo pháp luật. Về con chung chị M và anh H có hai con chung là cháu Đào Trọng T, sinh ngày 22/10/2006 và cháu Đào Thảo N, sinh ngày 26/9/2014. Khi ly hôn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc nuôi con chung theo quy định pháp luật đảm bảo quyền lợi cho các cháu.

* Nguyện vọng của cháu Đào Trọng T: Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu T có nguyện vọng muốn ở với bố, để bố chăm sóc và nuôi dưỡng.

Tại phiên toà sơ thẩm hôm nay:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đào Văn H. Về con chung đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Đào Thảo N, giao anh H nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Đào Trọng T, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Về tài sản và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28; 35; 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật, tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi các quyết định cho Viện Kiểm sát đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 68; 144; 147; 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51; 54; 55; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015 của Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/NQ-QH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Đào Văn H.

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Đào Thảo N, sinh ngày 26/9/2014 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi trưởng thành tự lập được. Giao anh Đào Văn H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Đào Trọng T, sinh ngày 22/10/2006 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi trưởng thành tự lập được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về án phí ly hôn: Chị M và anh H phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Đào Văn H có hộ khẩu thường trú và cư trú tại: tổ 10, phường THĐ, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì

vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị M và anh Đào Văn H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn anh Đào Văn H: Anh H đã được triệu tập hợp lệ phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của anh H về quan điểm giải quyết vụ án. Do đó việc xét xử vắng mặt anh Đào Văn H tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị M và anh Đào Văn H là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trần Hưng Đạo, thị xã Phủ Lý (nay là thành phố Phủ Lý), tỉnh Hà Nam đảm bảo trình tự, thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M, Hội đồng xét xử thấy: Cuộc hôn nhân giữa chị M và anh H được xây dựng trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị đã chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian dài thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau. Do không còn tình cảm vợ chồng nên chị M và anh H đã sống ly thân. Từ năm 2018 đến nay chị M và anh H không quan tâm đến cuộc sống chung của nhau nữa cho thấy cả hai đều không còn dành tình cảm cho nhau, chị M xin ly hôn anh H cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Đào Văn H là phù hợp các Điều 51, 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Đào Văn H cùng thống nhất vợ chồng có hai con chung là cháu Đào Trọng T, sinh ngày 22/10/2006 và cháu Đào Thảo N, sinh ngày 26/9/2014. Chị M xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Đào Thảo N. Anh H xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung là cháu N và cháu T. Tại biên bản tự khai cháu T xin được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy nguyện vọng xin nuôi con chung của chị M và anh H là hoàn toàn chính đáng. Cháu T là con trai và có nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn cháu ở với bố, còn cháu N là con gái hiện còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nên xét giao anh H trực tiếp nuôi cháu T và chị M trực tiếp nuôi cháu N là hoàn toàn phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi ích chính đáng của con chưa thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Đào Văn H mỗi người nuôi một con chung và không ai yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

[5] Về tài sản và công nợ chung: Chị M và anh H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn: Chị M và anh H phải nộp theo quy định pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51; 54; 55; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

- Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí và án phí Tòa án.

1/ Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Đào Văn H.

2/ Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Đào Thảo N, sinh ngày 26/9/2014 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi trưởng thành tự lập được. Giao anh Đào Văn H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Đào Trọng T, sinh ngày 22/10/2006 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi trưởng thành tự lập được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), anh Đào Văn H phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai số AA/2015/0004529 ngày 18/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý. Chị M được nhận lại 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đào Văn H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các điều 6; 7; 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự TP Phủ Lý;
-UBND phường Trần Hưng Đạo, TP Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuyên